



**Trung tâm Tin học và
Thống kê**

**Cục Chế biến và Phát triển
thị trường nông sản**

**Viện Chính sách và Chiến lược
Phát triển nông nghiệp nông thôn**

THÔNG TIN THAM KHẢO ĐỊNH KỲ VỀ THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN THÁNG 7/2020

1 Kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản tháng 7 năm 2020 ước đạt 3,4 tỷ USD, đưa tổng giá trị xuất khẩu 7 tháng đầu năm 2020 đạt 22,31 tỷ USD, giảm 2,8% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, giá trị xuất khẩu các mặt hàng nông sản chính ước đạt 10,37 tỷ USD, giảm 4%; giá trị xuất khẩu chăn nuôi ước đạt 213 triệu USD, giảm 24,9%; giá trị xuất khẩu thủy sản ước đạt 4,38 tỷ USD, giảm 6,4%; giá trị xuất khẩu các mặt hàng lâm sản chính ước đạt 6,5 tỷ USD, tăng 6,7%.

Về cơ cấu thị trường, tổng giá trị xuất khẩu nông, lâm, thủy sản 7 tháng đầu năm 2020 của Việt Nam sang các thị trường thuộc khu vực châu Á (chiếm thị phần 54,4%) ước đạt 12,02 tỷ USD, giảm 8% so với cùng kỳ năm 2019. Tương tự, xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang các khu vực châu Âu và châu Đại Dương trong 7 tháng đầu năm 2020 ước đạt lần lượt là 2,93 tỷ USD (giảm 5,4% so với cùng kỳ năm 2019); 330 triệu USD (giảm 8,6%). Ngược lại, giá trị xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang Châu Mỹ và Châu Phi ước đạt lần lượt 5,59 tỷ USD, và 484 triệu USD, tăng 5,2% và 2,1% so với cùng kỳ năm 2019.

Giá trị nhập khẩu nông, lâm, thủy sản tháng 7 năm 2020 ước đạt 2,68 tỷ USD, đưa tổng giá trị nhập khẩu 7 tháng đầu năm 2020 đạt 17,16 tỷ USD, giảm 4,6% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, giá trị nhập khẩu các mặt hàng nông lâm thủy sản chính ước đạt 13,92 tỷ USD, giảm 6,1% so với cùng kỳ năm 2019.

Tổng giá trị nhập khẩu nông, lâm, thủy sản 7 tháng đầu năm 2020 của Việt Nam từ các thị trường thuộc khu vực châu Á (chiếm thị phần 32,7%) ước đạt khoảng 5,61 tỷ USD, giảm 14,1% so với cùng kỳ năm 2019. Tương tự, nhập khẩu nông, lâm, thủy sản Việt Nam trong 7 tháng đầu năm 2020 từ khu vực châu Mỹ ước giảm 2%, đạt 4,98 tỷ USD, khu vực châu Phi ước giảm 32,9%, đạt 575 triệu USD và khu vực châu Đại Dương ước giảm 4,8%, đạt 566 triệu USD. Trong khi đó, ước tính nhập khẩu nông, lâm, thủy sản Việt Nam sang khu vực châu Âu trong 7 tháng đầu năm 2020 lại tăng 4,5% so với cùng kỳ năm 2019, đạt 990 triệu USD.

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG MỘT SỐ NÔNG SẢN CHỦ LỰC

1. Lúa gạo

Tính đến ngày 15/7/2020, khối lượng gạo xuất khẩu đạt 3,7 triệu tấn, trị giá 1,8 tỷ USD tăng 0,6% về lượng và 13,5% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Khối lượng gạo xuất khẩu tháng 7 năm 2020 ước đạt 400 nghìn tấn với giá trị đạt 194 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo 7 tháng đầu năm 2020 đạt gần 3,9 triệu tấn và 1,9 tỷ USD, giảm 1,4% về khối lượng nhưng tăng 10,9% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Trong 6 tháng đầu năm, Philippin đứng vị trí thứ nhất về thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2020 với 36,9% thị phần. Xuất khẩu gạo sang thị trường Philippin trong 6 tháng đầu năm 2020 đạt 1,4 triệu tấn và 634,3 triệu USD, tăng 13,3% về khối lượng và tăng 30,5% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Cũng trong 6 tháng đầu năm 2020, các thị trường có giá trị xuất khẩu gạo tăng mạnh nhất là: Senegal (gấp 19,6 lần đạt 41,1 nghìn tấn), Indonesia (gấp 2,8 lần đạt 45,2 nghìn tấn) và Trung Quốc (tăng 88,9% đạt 457,6 nghìn tấn). Ngược lại, thị trường có giá trị xuất khẩu gạo giảm mạnh nhất là Iraq (giảm 47,6%). Giá gạo xuất khẩu bình quân 6 tháng đầu năm 2020 đạt 487,6 USD/tấn, tăng 13% so với cùng kỳ năm 2019.

Về chủng loại xuất khẩu, trong 6 tháng đầu năm 2020, giá trị xuất khẩu gạo trắng chiếm 39,1% tổng kim ngạch; gạo jasmine và gạo thơm chiếm 37,6%; gạo nếp chiếm 18,7%; gạo japonica và gạo giống Nhật chiếm 4,4%. Các thị trường xuất khẩu gạo trắng lớn nhất của Việt Nam là Philippin (với 423,2 triệu USD, chiếm 57,7%), Malaysia (với 95,3 triệu USD, chiếm 13,0%) và Cuba (với 42,2 triệu USD, chiếm 5,7%). Với gạo jasmine và gạo thơm, thị trường xuất khẩu lớn nhất là Philippin (với 246,9 triệu USD, chiếm 35,0%), Ghana (với 107,3 triệu USD, chiếm 15,2%) và Bờ Biển Ngà (với 73,9 triệu USD, chiếm 10,5%). Với gạo nếp, thị trường xuất khẩu lớn nhất là Trung Quốc (với 259,2 triệu USD, chiếm 73,7%), Philippin (với 25,5 triệu USD, chiếm 7,2%) và Malaysia (với 23,6 triệu USD, chiếm 6,7%). Với gạo japonica và gạo giống Nhật, thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam là Kiribati (với 20,5 triệu USD, chiếm 24,9%), Đảo quốc Solomon (với 12,2 triệu USD, chiếm 14,8%), và Philippin (với 6,7 triệu USD, chiếm 8,2%).

Trên thị trường thế giới, giá gạo Thái Lan xuất khẩu trong tháng dao động trong khoảng 440 – 515 USD/tấn. Giá gạo Việt Nam xuất khẩu trong tháng qua giảm nhẹ so với tháng trước đó do nhu cầu giảm cũng như nguồn cung từ vụ thu hoạch Hè Thu đang dần được đưa ra thị trường vào khoảng nửa cuối tháng 7/2020. Giá gạo Việt Nam xuất khẩu trong tháng dao động trong khoảng 415 – 457 USD/tấn. Trong khi đó, giá gạo Ấn Độ xuất khẩu có xu hướng tăng nhẹ, tuy nhiên các thương nhân nước này cho biết nhu cầu thị trường đối với gạo Ấn Độ chỉ đang ở mức trung bình. Giá gạo Ấn Độ xuất khẩu trong tháng dao động trong khoảng 373 – 382 USD/tấn.

Tại thị trường trong nước, giá lúa, gạo tại các tỉnh ĐBSCL diễn biến tăng trong nửa đầu tháng 7. Giá lúa tăng đầu tháng do nông dân sắp chuẩn bị thu hoạch vụ lúa Hè Thu, vào thời điểm đó nguồn cung từ vụ Đông Xuân không còn nhiều. Đồng thời, giá

lúa, gạo xuất khẩu có bước phục hồi tốt. Cụ thể, tại An Giang, lúa IR50404 tăng 200 đồng/kg lên 5.000 đồng/kg, hiện ở mức 4.900 đồng/kg (22/7); lúa OM 5451 tăng 300 đồng/kg lên 5.200 đồng/kg; lúa OM 6976 giữ ở mức 5.400 đồng/kg; lúa gạo thường ổn định ở mức 11.000 đồng/kg; gạo thơm đặc sản jasmine ở mức 14.500 đồng/kg. Tại Kiên Giang, lúa IR50404 tăng 300 đồng/kg lên 5.700 – 5.900 đồng/kg; lúa OM 6976 tăng 100 đồng/kg lên mức 6.400 – 6.600 đồng/kg; lúa OM 5451 tăng 300 đồng/kg lên 6.300 – 6.700 đồng/kg. Các chuyên gia nhận định xuất khẩu gạo Việt Nam và thị trường lúa gạo hàng hóa ở ĐBSCL trong nửa cuối năm nay sẽ có những chuyển động, trước mắt là giá lúa vụ Hè Thu.

Một số dự báo và nhận định: Theo thông tin dự báo cập nhật mới nhất trong tháng 7/2020 của Bộ Nông nghiệp Mỹ, sản lượng gạo của thế giới năm 2020 ước đạt 495,2 triệu tấn, giảm khoảng 0,3% so với năm 2019. Tiêu dùng gạo thế giới năm 2020 ước đạt 490,4 triệu tấn, tăng khoảng 1,3% so với năm 2019.

2. Rau quả

Tính đến ngày 15/7/2020, giá trị xuất khẩu rau quả đạt 1,9 tỷ USD, giảm 13,7% so với cùng kỳ năm 2019. Giá trị xuất khẩu rau quả tháng 7 năm 2020 ước đạt 240 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu rau quả 7 tháng đầu năm 2020 ước đạt gần 2 tỷ USD, giảm 12,3% so với cùng kỳ năm 2019. Trung Quốc đứng vị trí thứ nhất về thị trường nhập khẩu rau quả của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2020 với 59,4% thị phần. Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường này trong 6 tháng đầu năm 2020 đạt 1,04 tỷ USD, giảm 29,3% so với cùng kỳ năm 2019. Trong 6 tháng đầu năm 2020, ngoại trừ thị trường Trung Quốc và Singapore là hai thị trường có giá trị xuất khẩu giảm lần lượt là 29,3% và 0,8%; các thị trường còn lại, hầu hết đều có giá trị xuất khẩu tăng như: Hàn Quốc đạt 81,7 triệu USD (tăng 25,5% so với cùng kỳ năm ngoái và chiếm 4,6% thị phần xuất khẩu của Việt Nam) Thái Lan đạt 79,4 triệu USD (chiếm 4,5%, tăng 234,2%); Hoa Kỳ đạt 77 triệu USD (chiếm 4,4%, tăng 9,8%); Nhật Bản đạt 68,2 triệu USD (chiếm 3,9%, tăng 13,1%); Đài Loan đạt 43 triệu USD (chiếm 2,4%, tăng 86,8%); Hà Lan đạt 42,7 triệu USD (chiếm 2,4%, tăng 7%). Giá trị xuất khẩu trong 6 tháng đầu năm 2020 giảm do xuất khẩu một số mặt hàng giảm trong đó có thanh long - mặt hàng chiếm thị phần cao nhất (với 34,2% tổng giá trị xuất khẩu), đạt 601,1 triệu USD, giảm 6%; chuối đạt 108,2 triệu USD (chiếm 6,2%, giảm 9,5%); sầu riêng đạt 47,5 triệu USD (chiếm 2,7%, giảm 71,2%), dưa hấu đạt 33,4 triệu USD (chiếm 1,9%, giảm 38,5%).

Ước giá trị nhập khẩu mặt hàng rau quả tháng 7/2020 đạt 120 triệu USD, đưa tổng giá trị mặt hàng rau quả nhập khẩu 7 tháng đầu năm 2020 đạt 708 triệu USD, giảm 37,7% so với cùng kỳ năm 2019. Tính trong 6 tháng đầu năm, Hoa Kỳ, Trung Quốc, Ôxtrâyliya là ba thị trường cung cấp rau quả nhập khẩu lớn nhất cho Việt Nam. Trung Quốc, Ôxtrâyliya là những thị trường có giá trị nhập khẩu giảm lần lượt 35,2% và 12,5%, trong khi nhập khẩu từ Hoa Kỳ tăng 27,5%.

Vào thời điểm giữa tháng 7/2020, tại một số tỉnh ĐBSCL, mít Thái được thương lái mua tại vườn có giá từ 6.000 - 7.000 đồng/kg, giảm 2.000 đồng/kg so với thời điểm

cuối tháng trước. Nguyên nhân khiến giá mít Thái giảm là do loại nông sản này đang vào mùa thu hoạch rộ, lượng cung vượt cầu.

Tại tỉnh Đồng Nai, giá chuối già xuất khẩu bán tại vườn hiện đang giảm mạnh, chỉ còn từ 3.000 – 4.000 đ/kg, thấp hơn nhiều lần so với mức giá 15.000 – 16.000 đ/kg vào thời điểm mặt hàng này xuất khẩu tốt. Giá chuối giảm mạnh do thị trường xuất khẩu gặp khó khăn vì ảnh hưởng của dịch Covid-19.

Tại Bình Thuận, giá thanh long tăng mạnh, với mức giá từ 15.000 - 20.000 đ/kg, gấp đôi so với mức giá tháng trước, hàng đẹp chuẩn xuất khẩu qua Trung Quốc được mua 20.000 đ/kg. Nhiều thương lái cho biết nguyên nhân giá thanh long tăng cao trong mấy ngày nay là do lứa thu hoạch này không có nhiều trái chín, trong khi nhu cầu xuất khẩu đang xu hướng tăng. Tại tỉnh Hậu Giang, dứa vừa qua đạt ở mức giá cao, đặc biệt là loại dứa Nữ hoàng (Queen) có mức giá mua tận ruộng từ 7.000 - 10.000 đồng/kg (tùy loại lớn nhỏ) cao hơn khoảng 20% so với cùng kỳ năm ngoái.

Tại Đà Lạt, Lâm Đồng giá rau củ tăng đáng kể do nguồn cung hạn chế trong khi nhu cầu không đổi. Được biết, một số hộ trồng rau tại Lâm Đồng vừa qua còn e ngại xuống giống do ảnh hưởng của dịch Covid-19. Hơn nữa, nhiều khu vực thuộc các tỉnh phía Nam và miền Trung vừa qua bị rơi vào tình trạng nắng nóng, thiếu nước khiến nguồn rau cũng hạn chế. Do đó, giá nhiều loại rau củ đã tăng với mức tăng dao động từ 5.000-10.000đ/kg.

4

Mùa vải thiều năm nay tại một số tỉnh phía Bắc trong đó có Bắc Giang đạt sản lượng và doanh thu tăng so với năm ngoái. Riêng tỉnh Bắc Giang, doanh thu từ vải thiều đạt 5.140 tỷ đồng tăng 107,76 % so với cùng kỳ. Bình quân giá vải thiều năm 2020 đạt 31.200 đồng/kg. Tổng sản lượng tiêu thụ vải thiều đạt 164.700 tấn, tăng 109% so với năm 2019. Thị trường xuất khẩu chủ yếu là Trung Quốc, và xuất sang một số thị trường khác như Nhật Bản, Mỹ, EU, Singapore, Hàn Quốc, Thái Lan, Australia, Canada...

Một số nhận định và dự báo: Theo thông tin từ Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Nam Ninh (Quảng Tây, Trung Quốc), chính quyền Quảng Tây đang thực hiện nghiêm chế độ quản lý hàng hóa đưa vào tiêu thụ tại các chợ, siêu thị; tăng cường kiểm tra các loại giấy tờ như: Chứng nhận đạt chuẩn chất lượng, chứng nhận nguồn gốc, xuất xứ, chứng từ mua hàng đối với hàng nông sản dùng làm thực phẩm. Cấm mua - bán, tàng trữ các loại thực phẩm không phù hợp với tiêu chuẩn an toàn thực phẩm; các trường hợp kinh doanh thực phẩm nhập khẩu phải cung cấp chứng từ kiểm nghiệm kiểm dịch của cơ quan hải quan... Ngoài ra, từ ngày 1/7/2020, các phương tiện vận tải của Việt Nam nhập cảnh Trung Quốc đều phải mua bảo hiểm phương tiện.

3. Sắn

Trong tháng 7/2020, xuất khẩu sắn và sản phẩm sắn ước đạt 190 nghìn tấn, tương đương 70 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu 7 tháng đầu năm 2020 ước đạt 1,6 triệu tấn với giá trị 542 triệu USD; tăng 15,2% về khối lượng và 3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Giá xuất khẩu sắn và sản phẩm sắn bình quân 7 tháng đầu năm 2020 ước đạt 345 USD/tấn, giảm 11% so với cùng kỳ năm ngoái.

Xét về cơ cấu sản phẩm, trong 7 tháng đầu năm 2020 xuất khẩu sản lát tăng mạnh ước đạt 469 nghìn tấn, tương đương 107 triệu USD, tăng 88% về lượng và 102% về giá trị so với cùng kỳ năm trước. Giá xuất khẩu sản lát bình quân 7 tháng ở mức 227,3 USD/tấn, tăng 7% so với mức giá 211,5 USD/tấn của cùng kỳ năm trước. Về mặt hàng tinh bột sắn, xuất khẩu 7 tháng đầu năm 2020 ước đạt 1,1 triệu tấn với giá trị 435 triệu USD, tương đương giảm 1% về lượng và giảm 8% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Giá xuất khẩu bình quân tinh bột sắn đạt 396 USD/tấn, giảm 7% so với cùng kỳ năm trước.

Trung Quốc vẫn là thị trường xuất khẩu chủ lực trong tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2020. Cụ thể, tổng sản lượng xuất khẩu sản lát sang Trung Quốc 6 tháng đầu năm 2020 đạt 1,25 triệu tấn, tương đương với 427 triệu USD, tăng 18% về sản lượng và tăng 3,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Malaysia và Đài Loan cũng là những nước tăng mạnh nhập khẩu sản lát và sản phẩm sản lát của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm nay, cụ thể xuất khẩu sang Malaysia đạt 19,9 nghìn tấn tương đương 8,3 triệu USD, tăng 24,4% về sản lượng và 19% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Xuất khẩu sang Đài Loan đạt 21,5 nghìn tấn với giá trị 8,7 triệu USD, tăng 37,8% về lượng và 24,3% về giá trị so với cùng kỳ năm ngoái. Xuất khẩu sang Hàn Quốc 6 tháng đầu năm 2020 sụt giảm do tình trạng suy thoái kinh tế, ước đạt 60 nghìn tấn với giá trị 15,6 triệu USD, giảm 7,3% về lượng và 9,8% về giá trị so với cùng kỳ năm ngoái.

5

Xuất khẩu sản lát ghi nhận sự tăng bật trở lại khi nhu cầu hỏi mua từ Trung Quốc tăng. Thị trường sản lát trở nên sôi động hơn, trong tháng 6 năm 2020 xuất khẩu sang Trung Quốc đạt 47 nghìn tấn tương đương 11 triệu USD, tăng 45% về lượng và 52% về giá trị so với tháng 5 năm 2020. Giá xuất khẩu sản lát vẫn trên đà tăng, đạt mức cao nhất là 231 USD/tấn kể từ cuối năm 2019 đến nay. Điều này là do giá còn tại Trung Quốc tăng trở lại khi giá nguyên liệu đầu vào cao, tồn kho thấp trong khi tiêu thụ tốt hơn do ảnh hưởng của ổ dịch Covid-19 bùng phát tại Bắc Kinh. Hiện giá ngô tại Trung Quốc vẫn đang tăng mạnh do nguồn cung khan hiếm, trong khi nhu cầu tiêu thụ từ ngành sản xuất thức ăn chăn nuôi và sản xuất cồn tăng cao. Đây là cơ hội cho sản lát Việt Nam, sản phẩm thay thế ngô trong ngắn hạn có thể đạt được mức tăng trưởng tốt về sản lượng và giá xuất khẩu. Trong khi đó xuất khẩu tinh bột sắn tiếp tục giảm mạnh cả về giá trị và sản lượng. Trong tháng 6, xuất khẩu sang Trung Quốc chỉ đạt 95 nghìn tấn, với giá trị 37 triệu USD, giảm 22% về lượng và 21% về giá trị so với tháng 5 năm 2020. Đây được ghi nhận là mức xuất khẩu thấp nhất kể từ tháng 3 năm 2019 đến nay. Giao dịch xuất khẩu không tăng cả ở đường biển và đường biên mậu do nhu cầu tiêu thụ tinh bột sắn từ Trung Quốc giảm do thời tiết nắng nóng, dịch Covid -19 bùng phát trở lại tại Trung Quốc và tồn kho tinh bột của các nhà máy không đáng kể.

Tại thị trường trong nước, giá sản lát giao dịch tiếp tục xu hướng tăng mạnh do tồn kho nội địa đạt thấp và giá xuất khẩu sản lát sang Trung Quốc tăng. Tại Miền Bắc giá sản lát bán ra ở mức 4.600-4.700 đồng/kg, ở Miền Trung là 4.900 đồng/kg và ở Miền Nam dao động ở mức 5.200-5.250 đồng/kg.

Một số nhận định và dự báo: Dự báo giá xuất khẩu sản lát vẫn sẽ tiếp tục tăng do nguồn cung khan hiếm và nhu cầu hỏi mua của Trung Quốc tốt hơn. Giá xuất khẩu tinh bột sản qua kênh biên mậu cũng sẽ tăng do nhu cầu mua từ Trung Quốc nhiều hơn trong bối cảnh tồn kho nội địa đạt thấp.

4. Cà phê

Xuất khẩu cà phê tháng 7/2020 ước đạt 120 nghìn tấn với giá trị đạt 213 triệu USD, đưa khối lượng và giá trị xuất khẩu cà phê 7 tháng đầu năm 2020 đạt 1,06 triệu tấn và 1,8 tỷ USD, giảm 0,1% về khối lượng và giảm 0,6% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Tính trong 6 tháng đầu năm, Đức, Hoa Kỳ và Italy tiếp tục là ba thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất của Việt Nam với thị phần lần lượt là 14,3% (đạt 228,1 triệu USD), 9% (đạt 142,9 triệu USD) và 7,8% (đạt 124,5 triệu USD). Giá trị xuất khẩu cà phê tăng mạnh tại các thị trường: Ba Lan (tăng 53,7%, đạt 23,5 triệu USD), Bỉ (tăng 20,1%, đạt 74,8 triệu USD) và Nhật Bản (tăng 18,2%, đạt 103,1 triệu USD). Ngược lại giá trị xuất khẩu cà phê giảm mạnh nhất tại thị trường Anh (giảm 24,6%, đạt 33,1 triệu USD) và thị trường Trung Quốc (giảm 13,7%, đạt 40,6 triệu USD). Giá cà phê xuất khẩu bình quân 6 tháng đầu năm 2020 đạt 1.690 USD/tấn, giảm 0,9% so với cùng kỳ năm 2019.

Trong tháng 7/2020, giá cà phê thế giới biến động tăng. So với tháng trước, giá cà phê Robusta giao tháng 9/2020 tại thị trường London tăng 170 USD/tấn lên 1.357 USD/tấn. Giá cà phê tăng do tác động tích cực từ thị trường tài chính châu Âu khiến các thị trường hàng hóa khởi sắc. Cùng với sự tăng mạnh mẽ của cà phê Robusta, giá cà phê Arabica cũng đã tăng trở lại sau nhiều đợt giảm liên tiếp. Tại thị trường New York, giá giao tháng 9/2020 ở mức 2.407 USD/tấn, tăng 135 USD/tấn so với tháng 6/2020. Dự báo, giá cà phê thế giới sẽ có nhiều biến động tích cực trong quý III năm nay do dòng vốn đầu cơ chảy về hai sản cà phê kỳ hạn đã tăng mạnh.

Thị trường cà phê trong nước biến động tăng cùng xu hướng thị trường thế giới. So với tháng 6/2020, giá cà phê vối nhân xô các tỉnh Tây Nguyên tăng 1.400 – 1.600 đ/kg lên mức 32.300 – 32.700 đ/kg. Giá cà phê cao nhất ở khu vực tỉnh Đắk Lắk và thấp nhất tại khu vực tỉnh Lâm Đồng. Giá cà phê Robusta giá FOB giao tại cảng thành phố Hồ Chí Minh tăng 270 USD/tấn lên 1.537 USD/tấn. Nhìn chung trong 2 quý đầu năm 2020, xu hướng giảm giá là chủ đạo. Tuy nhiên, so với thời điểm cuối năm 2019, giá cà phê trong nước đã tăng 500 – 700 đ/kg sau chuỗi thời gian dài giá thấp ảm đạm. Dự báo trong thời gian tới, nguồn cung cà phê trong nước hạn chế cùng với tình trạng thiếu nước tại khu vực Tây Nguyên khiến sản lượng thấp sẽ thúc đẩy giá nội địa tăng lên.

Một số nhận định và dự báo: (1) Dự báo của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA), sản lượng cà phê niên vụ 2020/21 của Brazil vào năm được mùa, ước đạt 4,1 triệu tấn, trong khi thời điểm hiện tại, nước này chỉ mới thu hoạch được khoảng 60% do ảnh hưởng của dịch Covid-19. Trong tháng 7/2020, đồng Real vẫn đang có lợi cho người bán khiến cho người trồng cà phê đẩy mạnh hoạt động bán hàng. Điều này có thể sẽ gia tăng sức ép bán ra trong quý III/2020. Tuy khối lượng bán ra tăng nhưng giá dự báo vẫn giữ ở mức ổn định do làn sóng Covid-19 đang lan rộng. Khả năng một vài thị trường

buộc phải đóng cửa cách ly xã hội trở lại là điều khó tránh khỏi. Cụ thể, tính đến ngày 27/7/2020, dẫn đầu về số ca bệnh trên thế giới là các nước Hoa Kỳ, Brazil và Ấn Độ, đây đều là các nước tiêu thụ và sản xuất cà phê lớn trên thế giới; (2) Liên minh Châu Âu được dự báo sẽ tăng nhập khẩu thêm 2 triệu bao đạt mức 49,5 triệu bao cà phê, chiếm gần 45% lượng nhập khẩu cà phê hạt của toàn thế giới. Những nhà cung cấp cà phê lớn nhất của EU là Brazil (chiếm 29%), Việt Nam (23%), Colombia (7%), Honduras (6%); (3) Mỹ - nhà nhập khẩu lớn thứ 2 của Thế giới – cũng được dự báo tăng nhu cầu nhập khẩu thêm 2 triệu bao lên mức 27 triệu bao. Những nước xuất khẩu hàng đầu cho Mỹ là Brazil (24%), Colombia (22%), Việt Nam (16%) và Honduras (6%).

5. Chè

Khối lượng xuất khẩu chè tháng 7 năm 2020 ước đạt 12 nghìn tấn với giá trị đạt 19 triệu USD, đưa khối lượng và giá trị xuất khẩu chè 7 tháng đầu năm 2020 đạt 70 nghìn tấn và 110 triệu USD, tăng 1,3% về khối lượng nhưng giảm 8,7% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Giá chè xuất khẩu bình quân 6 tháng năm 2020 đạt 1.568 USD/tấn, giảm 8% so với cùng kỳ năm 2019.

Trong 6 tháng đầu năm 2020, khối lượng chè xuất khẩu sang nhiều thị trường giảm, đặc biệt là hai thị trường chính, bao gồm Pakistan và Đài Loan, với 44,7% thị phần. Cụ thể, tính chung nửa đầu năm 2020, xuất khẩu chè sang Pakistan chỉ đạt 15,4 nghìn tấn, tương đương 29,2 triệu USD, giảm 10,9% về khối lượng và giảm 15,6% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019; xuất khẩu sang Đài Loan đạt 7,3 nghìn tấn, tương đương 11,5 triệu USD, giảm 14,3% về khối lượng và giảm 12,7% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Sức mua của hai thị trường này giảm do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Trong 4 tháng đầu năm 2020, nhập khẩu chè của Đài Loan đã giảm 4,1% so với cùng kỳ năm 2019.

Tại thị trường thế giới, giá chè diễn biến trái chiều giữa các thị trường. Trong khi giá chè tại Ấn Độ đang tăng mạnh lên mức kỷ lục chưa từng có do khan hiếm nguồn cung và nhu cầu gia tăng từ những người mua hàng cao cấp, thì các thị trường chè như Kenya, Rwanda trong tình trạng dư thừa do mưa kéo dài ở các khu vực trồng chè chủ chốt của nước này, ảnh hưởng tới các phiên bán đấu giá. Tại Ấn Độ, giá chè trung bình trong tháng tính đến ngày 18/7 tại các phiên mở bán của Hiệp hội Thương mại chè Coonoor (CTTA) đạt 1,84 USD/kg, tăng 0,26 USD/kg so với tháng trước. Giá chè BP1 giao ngay tại các phiên đấu giá trong tháng (tính đến ngày 22/7) tại sàn giao dịch Mombasa, Kenya đạt trung bình 4,33 USD/kg, tăng 1,4% so với tháng trước.

Tại thị trường trong nước, giá chè nguyên liệu trong tháng 7/2020 không có nhiều biến động. Tại Thái Nguyên, giá chè cành chất lượng giữ giá ở mức 190.000 đ/kg, chè xanh búp khô 90.000 đ/kg, chè xanh búp khô (đã sơ chế loại 1) 120.000 đ/kg. Tại Bảo Lộc (Lâm Đồng), giá chè cành tăng nhẹ 300 đ/kg lên 9.800 đ/kg, chè hạt ổn định mức 7.500 đ/kg.

6. Tiêu

Khối lượng tiêu xuất khẩu tháng 7 năm 2020 ước đạt 20 nghìn tấn với giá trị đạt 49 triệu USD, đưa khối lượng và giá trị xuất khẩu tiêu 7 tháng đầu năm 2020 đạt 187 nghìn tấn và 405 triệu USD, giảm 6,5% về khối lượng và giảm 20,6% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Giá tiêu xuất khẩu bình quân 6 tháng năm 2020 đạt 2.134 USD/tấn, giảm 16,4% so với cùng kỳ năm 2019.

Trong nửa đầu năm 2020, xuất khẩu tiêu sang hầu hết các thị trường lớn đều giảm cả về khối lượng và giá trị do chịu tác động kép từ đại dịch Covid-19 và dư cung. Trong 5 thị trường xuất khẩu tiêu lớn nhất của Việt Nam, bao gồm Hoa Kỳ, Ấn Độ, Đức, Pakistan và Hà Lan với 37,9% thị phần, chỉ có thị trường Hoa Kỳ có khối lượng xuất khẩu tăng. Cụ thể, trong 6 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu tiêu của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt 28,7 nghìn tấn, tương đương 71,4 triệu USD, tăng 3,7% về khối lượng nhưng giảm 7,5% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Việt Nam tiếp tục là nguồn cung hồ tiêu lớn nhất của Hoa Kỳ, hiện chiếm tới 67% tổng lượng nhập khẩu tiêu của thị trường này. Thị phần của Việt Nam đã tăng khoảng 3% so với cùng kỳ năm 2019¹.

Trên thị trường thế giới, trong tháng 7/2020, giá tiêu giao tại cảng có xu hướng tăng tại thị trường Ấn Độ và Malaysia, trong khi giá tiêu tại Brazil và Việt Nam giữ ổn định và giá tiêu của Indonesia giảm. Cụ thể, tính đến ngày 27/7/2020, giá tiêu giao tại cảng của Ấn Độ và Malaysia đã tăng lần lượt 0,8% và 3,7% so với thời điểm đầu tháng. Nhu cầu tiêu tăng cao trong mùa lễ hội đã kéo giá tiêu tăng tại Ấn Độ.

Tại thị trường trong nước, giá hạt tiêu trong tháng 7/2020 giảm so với tháng trước. Cụ thể, giá tiêu tại Bà Rịa Vũng Tàu giảm 1.000 đ/kg xuống mức 49.000 đ/kg. Giá tiêu tại Đắk Lắk, Đắk Nông giảm 500 đ/kg xuống 48.000 đ/kg. Giá tiêu tại Đồng Nai giảm 1.000 đ/kg xuống 46.000 đ/kg.

Một số nhận định và dự báo: (1) Giá tiêu giảm trong ngắn hạn do thương mại hồ tiêu toàn cầu đang bị ảnh hưởng do dịch COVID-19. Trong các tháng tới sức mua được dự báo sẽ giảm từ thị trường châu Âu và Mỹ trước làn sóng Covid thứ 2 tại các thị trường này. Thêm vào đó, thảm họa thiên tai tại Trung Quốc, một trong các thị trường nhập khẩu hồ tiêu lớn của Việt Nam, sẽ tác động đến nhu cầu nhập khẩu hồ tiêu của quốc gia này trong giai đoạn ngắn hạn; (2) Khuyến nghị các doanh nghiệp xuất khẩu cần lựa chọn các biện pháp thực thi và thanh toán hợp đồng nhằm giảm thiểu rủi ro, hạn chế các phát sinh thương mại quốc tế.

7. Điều

Trong tháng 07/2020, khối lượng điều nhân Việt Nam xuất khẩu ước đạt 40 nghìn tấn với giá trị 232 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu hạt điều 7 tháng đầu năm 2020 đạt 265 nghìn tấn và 1,72 tỷ USD, tăng 10,4% về khối lượng nhưng giảm 4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Hoa Kỳ, Hà Lan và Trung Quốc vẫn duy trì là 3 thị trường nhập khẩu điều lớn nhất của Việt Nam chiếm thị phần lần lượt là 35,2%, 13% và 10,6% tổng giá trị xuất khẩu hạt điều. Trong 6 tháng đầu năm 2020 giá trị xuất khẩu điều tăng

¹ Số liệu được tính toán từ thống kê của Trung tâm thương mại quốc tế, tính trong 5 tháng đầu năm 2020 so với tổng 5 tháng đầu năm 2019.

mạnh nhất tại thị trường Nhật Bản (tăng 88,6%), ngược lại thị trường có giá trị xuất khẩu điều giảm mạnh nhất là Nga, giảm 40,8%. Giá hạt điều xuất khẩu bình quân 6 tháng đầu năm 2020 đạt 6.641 USD/tấn, giảm 13,1% so với cùng kỳ năm 2019.

Khối lượng điều thô nhập khẩu trong tháng 07/2020 ước đạt 165 nghìn tấn với giá trị đạt 170 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị nhập khẩu hạt điều 7 tháng đầu năm 2020 đạt 764 nghìn tấn và 969 triệu USD, giảm 18,8% về khối lượng và giảm 24,6% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Tính trong 6 tháng đầu năm, Campuchia, Bờ Biển Ngà, Gana và Tanzania là bốn thị trường cung cấp hạt điều nhập khẩu chính cho Việt Nam. Giá trị nhập khẩu hạt điều từ thị trường Tanzania tăng đột biến trong 6 tháng đầu năm 2020 với mức tăng 182 lần. Trong khi đó, các thị trường Campuchia, Bờ Biển Ngà và Gana lại cho thấy sự sụt giảm về xuất khẩu hạt điều sang Việt Nam với mức giảm lần lượt là 13,7%, 47% và 38,5%.

Trong tháng 7/2020, giá điều nguyên liệu trong nước biến động tăng tích cực so với tháng trước. Cụ thể, điều khô mua xô tại Bình Phước tăng từ 26.000 đồng/kg lên 27.500 đồng/kg; tại Đắk Lắk, điều tươi (chưa phân loại) tăng từ 28.000 đồng/kg lên 30.500 đồng/kg, điều khô loại 1 tăng từ 47.000 đồng/kg lên 50.000 đồng/kg; tại Đồng Nai, điều thô mua xô tăng từ 27.000 đồng/kg lên 40.000 đồng/kg.

9

Trên thị trường thế giới, trong tháng 7 giá điều nhân ở thị trường Ấn Độ diễn biến ổn định. Giá điều nhân loại WW240 ở mức 83,95 USD/kg; hạt điều vỡ 8 mảnh ở mức 4,75 USD/kg; hạt điều vỡ 4 mảnh ở mức 5,75 USD/kg; hạt điều vỡ 2 mảnh ở mức 5,69 USD/kg. Đối với thị trường Châu Âu mã W240 giao động từ 6.724 – 7.164 USD/tấn, mã W320 từ 5.401 – 6.062 USD/tấn, mã W450 hầu như rất ít khách hàng mua.

Theo Hiệp hội Hạt điều thế giới, sản lượng điều thô toàn cầu năm 2020 dự báo sẽ giảm 21 nghìn tấn so với năm 2019 do sản xuất ở khu vực Châu Phi không hiệu quả, năng suất giảm. Tổng nguồn cung hạt điều thô cho năm 2020 bao gồm lượng tồn cũ chuyển qua và lượng thu hoạch mới giảm 167 nghìn tấn so với năm 2019. Tình trạng dư cung hạt điều thô đã chấm dứt từ đầu năm 2020 khi lượng tồn kho từ năm 2019 đã được sử dụng hết. Hiện tại, tình trạng thiếu điều thô đã đẩy giá mặt hàng này tăng cao trong khi giá điều nhân giảm đã khiến tình hình sản xuất chế biến điều trở nên khó khăn hơn. Do chịu ảnh hưởng của Covid -19, việc nhập khẩu điều thô từ các nước Châu Phi trở nên khó khăn hơn. Trong khi đó giao dịch điều nhân trong quý II có dấu hiệu chững lại. Nhiều nhà nhập khẩu từ Mỹ, EU đã đề nghị lùi thời hạn giao hàng hạt điều WS, LP do tồn kho nhiều.

Một số nhận định và dự báo: Xuất khẩu điều nhân của Việt Nam trong quý III sẽ còn giảm sâu, vì cuối quý II và đầu quý III giá điều nhân xuất khẩu rất thấp. Dự kiến sang đến quý IV xuất khẩu điều nhân sẽ có khởi sắc vì vào những tháng cuối năm các nước nhập khẩu lớn như Mỹ, Ấn Độ, EU và Trung Quốc sẽ tăng nhập khẩu phục vụ nhu cầu các dịp lễ tết cuối năm. Khuyến cáo cho các doanh nghiệp chế biến điều Việt Nam lưu ý khi ký các hợp đồng mua điều thô để sản xuất khi không cân đối được với giá bán điều nhân. Ngoài ra nên bán điều nhân cho khách hàng uy tín, giao hàng cần đảm bảo

chất lượng ổn định để tránh gặp rắc rối trong thực hiện hợp đồng và góp phần bảo vệ thương hiệu Điều Việt Nam.

8. Cao su

Khối lượng xuất khẩu cao su tháng 7/2020 ước đạt 180 nghìn tấn, giá trị 217 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu cao su 7 tháng đầu năm 2020 đạt 662 nghìn tấn, giá trị 855 triệu USD, giảm 15,1% về khối lượng và giảm 20,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Giá cao su xuất khẩu bình quân 6 tháng đầu năm 2020 khoảng 1.325 USD/tấn, giảm 3,3% so với cùng kỳ năm 2019. Trung Quốc, Ấn Độ và Hàn Quốc là 3 thị trường tiêu thụ cao su lớn nhất của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2020, chiếm thị phần lần lượt là 68,2%, 4,8% và 3,2%.

Khối lượng nhập khẩu cao su trong tháng 7/2020 ước đạt 78 nghìn tấn, giá trị đạt 93 triệu USD; nâng khối lượng nhập khẩu cao su 7 tháng đầu năm 2020 của Việt Nam lên 452 nghìn tấn, giá trị 625 triệu USD; tăng 21,4% về lượng nhưng giảm 3,5% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Thị trường nhập khẩu cao su chủ yếu của Việt Nam là Hàn Quốc (chiếm 18,1%), Campuchia (16,2%) và Nhật Bản (12,8%).

Thị trường mủ cao su nguyên liệu trong nước biến động giảm trong tháng 7/2020. Tại Bình Phước, giá thu mua mủ nước giảm còn 235 đồng/độ, mủ cao su dạng thô giảm 100 đồng/kg xuống 11.000 đồng/kg. Giá mủ tại Đồng Nai ổn định ở mức 9.600 đồng/kg.

Trên thị trường thế giới, giá cao su tại Sở Giao dịch hàng hóa kỳ hạn Tokyo (Tocom) diễn biến tăng trong tháng 7/2020. Thị trường tài chính toàn cầu tăng cao, cùng với những phát hiện ban đầu từ 3 loại vắc xin thử nghiệm Covid-19 tiềm năng cho thấy kết quả tích cực, gia tăng kỳ vọng giải pháp y tế cho đại dịch toàn cầu. Các nhà lãnh đạo của chính phủ tại Mỹ và EU đang thúc đẩy gói kích thích lớn nhằm giảm bớt thiệt hại kinh tế từ đại dịch. Kết thúc phiên giao dịch 21/7, hợp đồng benchmark kỳ hạn tháng 12/2020 đạt 159 yên/kg, tăng 4,6 yên (tương đương 2,9%) so với phiên đầu tháng. Giá cao su physical trên thị trường châu Á diễn biến tăng so với tháng trước. Cụ thể, RSS3 Thái Lan ngày 20/7 ở mức 1,52 USD/kg, giảm 0,01 USD/kg; STR20 Thái Lan ở mức 1,26 USD/kg, giảm 0,03 USD/kg; SMR20 Malaysia ở mức 1,18 USD/kg, tăng 0,03 USD/kg; SIR20 Indonesia ở mức 1,18 USD/kg, tăng 0,03 USD/kg so với ngày 1/7.

Một số nhận định và dự báo: (1) Trong ngắn hạn, thương mại cao su có thể được phục hồi do các nước trên thế giới đang dần dỡ bỏ những chính sách phong tỏa/giãn cách xã hội. Các hoạt động từ sản xuất đến lưu thông được dần khôi phục. Bên cạnh đó, các gói kích thích kinh tế từ chính phủ bước đầu phát huy hiệu quả và ngăn chặn thành công sự bùng phát của dịch Covid-19. Triển vọng ngắn hạn của thị trường cao su có thể khả quan khi chính phủ các nước chuyển hướng từ tập trung chống dịch Covid-19 sang nỗ lực khôi phục kinh tế. Bên cạnh đó, việc các nước mở cửa trở lại nền kinh tế sẽ thúc đẩy nhu cầu, từ đó tác động tích cực đến ngành cao su; (2) Theo Hiệp hội các nước sản xuất cao su quốc tế (ANRPC), ngành cao su đã vượt qua giai đoạn tồi tệ nhất do cuộc khủng hoảng của dịch Covid-19 và đang có những dấu hiệu phục hồi. Sau khi giảm 15% trong tháng 5/2020, 5,3% tháng 6/2020; tiêu thụ cao su toàn cầu quý III/2020 được dự

báo sẽ tăng 1,4% so với cùng kì năm 2019 và ước tính sẽ chuyển hướng tăng từ tháng 7/2020; (3) Tuy nhiên, giá cao su chưa có dấu hiệu khả quan khi Trung Quốc² dự báo GDP trong quý II/2020 tăng 3,2% và sản lượng công nghiệp tăng, song dấu hiệu nhu cầu trong và ngoài nước suy yếu có thể vẫn giữ giá cao su ở mức như hiện nay; (4) Nhu cầu trong và ngoài nước còn yếu, trong bối cảnh xung đột thương mại các nước lớn sẽ ảnh hưởng rất lớn đến cầu của các nguyên liệu đầu vào trong đó có mặt hàng cao su tự nhiên. Do vậy, trong thời gian tới giá cao su tự nhiên xuất khẩu của Việt Nam khó có thể phục hồi như trước giai đoạn đại dịch Covid-19.

9. Sản phẩm chăn nuôi

Giá trị xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi tháng 7 năm 2020 ước đạt 33 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi 7 tháng đầu năm 2020 ước đạt 213 triệu USD, giảm 24,9% so với cùng kỳ năm 2019. Trong sáu tháng đầu năm 2020 giá trị xuất khẩu sữa và các sản phẩm từ sữa đạt 44,03 triệu USD, giảm 8,8% so với cùng kỳ năm 2019; Giá trị xuất khẩu thịt và các phụ phẩm từ thịt đạt 41,24 triệu USD, giảm 48% so với cùng kỳ năm 2019; Giá trị xuất khẩu mật ong đạt 29,97 triệu USD, tăng 41,1% so với cùng kỳ năm 2019; Giá trị xuất khẩu phụ phẩm sau giết mổ đạt 26,46 triệu USD, giảm 4,3% so với cùng kỳ năm 2019.

Trong khi đó, ước giá trị nhập khẩu chăn nuôi tháng 7 năm 2020 đạt 316 triệu USD, đưa tổng giá trị nhập khẩu chăn nuôi 7 tháng đầu năm 2020 đạt 2,01 tỷ USD, tăng 11,2% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, giá trị nhập khẩu sữa và các sản phẩm sữa ước tăng 9,8%, đạt 666 triệu USD, giá trị nhập khẩu các sản phẩm chăn nuôi khác ước tăng 12%, đạt 1,34 tỷ USD.

Trên thế giới, giá lợn nạc giao tháng 8/2020 thị trường Chicago (Mỹ) biến động tăng trong tháng qua với mức tăng 3,595 UScent/lb lên 52,65 UScent/lb (tương đương 26.906 VNĐ/kg). Giá thịt lợn tăng do sức mua vào tăng mạnh trong tháng qua, đồng thời theo báo cáo Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), kim ngạch xuất khẩu thịt lợn của Mỹ cũng tăng do sức mua từ thị trường Trung Quốc.

Trong nước, trong đầu tháng 7/2020, giá lợn hơi đã có những biến động xu hướng giảm. Tại miền Bắc, giá lợn hơi giảm khoảng 1.000 đồng/kg so với tháng trước, dao động trong khoảng 89.000 - 92.000 đồng/kg, như tại Phú Thọ, Bắc Giang, Lào Cai giá lợn hơi giao dịch quanh mốc 90.000 đồng/kg, tại Thái Nguyên là 91.000 đồng/kg. Trong khi tại các tỉnh Nam Định, Hà Nội và Tuyên Quang, lợn hơi được thu mua ở mốc 92.000 đồng/kg. Giá lợn hơi tại miền Trung, Tây Nguyên được thương lái thu mua trong khoảng 82.000 - 90.000 đồng/kg. Lợn hơi tại Bình Thuận đang được thu mua với giá 88.000 đồng/kg. Tại Hà Tĩnh và Ninh Thuận hiện đang ở mốc 87.000 đồng/kg. Giá lợn hơi tại Nghệ An đạt 86.000 đồng/kg, bằng mức giá ở Khánh Hòa và Lâm Đồng. Quảng Bình và Thừa Thiên Huế thu mua ở mức 85.000 đồng/kg. Giá lợn hơi tại miền Nam được giao dịch trong khoảng 85.000 - 92.000 đồng/kg, tăng 1.000 đồng/kg so với tháng trước.

² Nước tiêu thụ cao su lớn nhất thế giới

Tại Bình Dương và Cần Thơ, lợn hơi hiện đang thu mua với giá 87.000 đồng/kg. Còn tại Kiên Giang, Long An, Hậu Giang và Bến Tre, lợn hơi 88.000 đồng/kg.

Giá các sản phẩm gia cầm bán tại trại có xu hướng tăng tại nhiều vùng miền trong tháng qua. Giá gà thịt lông màu khu vực miền Bắc vẫn giữ mức 38.000 – 40.000 đồng/kg. Giá gà thịt lông màu khu vực miền Trung ổn định ở mức 32.000 – 34.000 đồng/kg. Giá gà thịt lông màu khu vực miền Đông và miền Tây Nam Bộ tăng 2.000 – 3.000 đồng/kg lên 38.000 đồng/kg. Giá gà lông trắng miền Bắc và miền Trung tăng 2.000 đồng/kg lên các mức giá lần lượt là 31.000 đồng/kg và 25.000 đồng/kg. Giá gà lông trắng miền Đông và miền Tây Nam Bộ tăng 4.000 – 5.000 đồng/kg lên 25.000 đồng/kg. Giá trứng gà miền Bắc tăng 200 – 300 đồng/quả lên mức 1.600 – 1.800 đồng/quả. Giá trứng gà miền Trung tăng 200 đồng/quả lên 1.500 – 1.700 đ/quả. Giá trứng gà miền Đông Nam Bộ và miền Tây Nam Bộ giảm 50 đồng/quả, hiện ở mức 1.300 – 1.450 đồng/quả.

10. Thủy sản

Giá trị xuất khẩu thủy sản tháng 7 năm 2020 ước đạt 780 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu thủy sản 7 tháng đầu năm 2020 đạt 4,38 tỷ USD, giảm 6,4% so với cùng kỳ năm 2019. Nhật Bản, Hoa Kỳ, Trung Quốc và Hàn Quốc là 4 thị trường nhập khẩu hàng đầu của thủy sản Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2020, chiếm 59,8% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản. Trong 6 tháng đầu năm 2020, thị trường, Nhật Bản đạt 668 triệu USD, giảm 1,6%; Hoa Kỳ đạt 654 triệu USD, tăng 0,5%; EU (28 nước) đạt 546 triệu USD, giảm 11,7%; Trung Quốc đạt 483 triệu USD, tăng 1%; Xuất khẩu thủy sản sang Anh đạt 140,5 triệu USD, tăng cao nhất đạt 13,3% so với cùng kỳ năm trước.

Theo số liệu mới nhất của Cục Nghề cá biển Hoa Kỳ (NMFS), nhập khẩu cá tra và tôm trong tháng 7/2020 đều giảm mạnh về lượng và giá trị so với tháng trước. Giá trung bình của cá tra phile đông lạnh nhập khẩu trong tháng 5/2020 tại Mỹ là 2,88 USD/kg, tương đương với tháng trước đó và thấp hơn 24,6 % so với cùng tháng năm 2019. Giá bình quân nhập khẩu tôm của Mỹ trong tháng 5/2020 đạt 8,4 USD/kg, giảm 1% so với tháng trước đó và tăng 1,8% so với cùng tháng năm 2019. Ảnh hưởng của dịch Covid-19 vẫn đang tác động lên ngành tôm toàn cầu.

Ước giá trị nhập khẩu mặt hàng thủy sản tháng 7/2020 đạt 144 triệu USD, đưa tổng giá trị thủy sản nhập khẩu 7 tháng đầu năm 2020 đạt 986 triệu USD, giảm 6,2% so với cùng kỳ năm 2019. Nguồn nhập khẩu thủy sản trong 6 tháng đầu năm 2020 chủ yếu là từ Ấn Độ (chiếm tỷ trọng 13,4%), Na uy (12,1%) và Nhật Bản (9,8%). So với cùng kỳ năm 2020, giá trị nhập khẩu thủy sản của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2020 từ Ấn Độ tăng 4,2%, Nhật Bản tăng 26,7%, trong khi nhập khẩu từ Na uy giảm 2,2%.

Về các mặt hàng thủy sản, trong tháng 6/2020, giá trị xuất khẩu tôm thẻ chân trắng đạt 228,21 triệu USD, chiếm 31,73% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản, tăng 9% so với cùng kỳ năm 2019; tôm sú đạt 50,27 triệu USD, chiếm 6,69%, giảm 8,35%. Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng thủy sản khác như sau: Cá tra đạt 107,63 triệu USD, chiếm 14,97%, giảm 34,95%; cá ngừ đạt 51,24 triệu USD, chiếm 7,12%, giảm 23,22%; mực

và bạch tuộc đạt 43,79 triệu USD, chiếm 6,09%, giảm 0,04%; cua ghe đạt 15,55 triệu USD, chiếm 2,16%, tăng 3,2 lần so với năm 2019.

Giá cá tra nguyên liệu trong nước tại các tỉnh thuộc ĐBSCL trong tháng 7/2020 giảm nhẹ khoảng 500 đ/kg so với tháng trước, đạt quanh mức 17.500-17.800 đ/kg đối với cá tra loại I (700-900g/con). Nhu cầu bắt cá nguyên liệu ngoài của các công ty hiện vẫn yếu. Thị trường vẫn diễn biến chậm do tình hình xuất khẩu vẫn ảm đạm với lượng đặt hàng mới yếu, lượng tồn kho cao cùng với giá xuất khẩu thấp. Tiến độ thả nuôi cá thịt hiện đang chững, các hộ nuôi sau khi thu hoạch cá thịt tạm thời treo ao chờ tín hiệu mới từ thị trường rồi mới cân nhắc việc bắt giống thả lại. Nhìn chung, giá cá giống mẫu 30 con/kg ổn định quanh mức 14.000-15.000 đ/kg.

Thị trường tôm nguyên liệu trong nước tháng này ít biến động về giá do nguồn cung và nhu cầu đều phục hồi chậm. Tại Bạc Liêu, tôm sú ướp đá cỡ 20, 30, 40 con/kg ổn định lần lượt ở mức 210.000 đ/kg, 180.000 đ/kg và 140.000 đ/kg. Giá tôm thẻ chân trắng cỡ 60 con/kg chững giá ở mức 100.000 đ/kg, cỡ 70 con/kg là 90.000 đ/kg, cỡ 100 con/kg là 85.000 đ/kg.

Một số nhận định và dự báo: Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam, trước những diễn biến bất ổn của dịch Covid-19, xuất khẩu tôm Việt Nam sang Mỹ tăng trưởng khá ổn định trong 6 tháng đầu năm. Mỹ là một trong số những thị trường nhập khẩu tôm chính của Việt Nam ghi nhận tăng trưởng dương liên tục. Nhu cầu nhập khẩu tôm của Mỹ hiện nay, trong bối cảnh phức tạp của dịch bệnh, chủ yếu phục vụ kênh bán lẻ, thương mại điện tử và giao hàng tại nhà. Vì vậy, doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam sang thị trường Mỹ nên tập trung vào các sản phẩm chế biến sâu, giá trị gia tăng như tôm dễ bóc vỏ EZ... để phù hợp nhu cầu thị trường của phân khúc này. Bên cạnh đó, ít nhất 17 nguồn cung xuất khẩu tôm cho Mỹ đã giảm trong tháng 5/2020 so với tháng 5/2019, có thể kể đến là Nicaragua, Bangladesh, Saudi Arabia, Srilanka, Na Uy... Do vậy, nhu cầu nhập khẩu tôm của Mỹ từ Việt Nam sẽ không giảm để bù đắp cho nguồn cung giảm từ các nguồn kể trên. Thái Lan và Trung Quốc vẫn tiếp tục xu hướng giảm xuất khẩu sang Mỹ kể từ năm 2019, do Thái Lan vi phạm về vệ sinh, uy tín trong khi giá tôm cao, còn tôm Trung Quốc xuất sang Mỹ đang bị áp thuế cao do hậu quả của chiến tranh thương mại. Dự báo, trong quý III/2020, tăng trưởng xuất khẩu tôm Việt Nam sang Mỹ sẽ không cao bằng quý II/2020, do Ấn Độ và Ecuador chuyển hướng tăng xuất khẩu sang Mỹ vì gặp khó ở Trung Quốc (chậm thông quan và gặp vấn đề trong vệ sinh...). Tuy nhiên, với lợi thế về thuế chống bán phá giá thấp, xuất khẩu tôm Việt Nam sang Mỹ trong cả năm 2020 dự báo vẫn tăng khoảng 20% so với năm 2019.

11. Gỗ và sản phẩm gỗ

Giá trị xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ tháng 7/2020 đạt 1,05 tỷ USD, lũy kế xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ 7 tháng đầu năm 2020 ước đạt 6,09 tỷ USD, tăng 6,2% so với cùng kỳ năm 2019. Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc tiếp tục là 4 thị trường nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ lớn nhất của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm

2020, chiếm 84,3% tổng giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ. Giá trị nhập khẩu tháng 7/2020 đạt 198 triệu USD, lũy kế nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu trong 7 tháng đầu năm 2020 ước đạt gần 1,31 tỷ USD, giảm 10,3% so với cùng kỳ năm 2019.

Trong 5 năm trở lại đây, ngành gỗ dán của Việt Nam có tốc độ phát triển nhanh với mức tăng trưởng bình quân 31%/năm. Kể từ 2015, đã có 42 dự án FDI đầu tư mới vào ngành công nghiệp gỗ dán của Việt Nam. Trong giai đoạn vừa qua, xuất khẩu gỗ dán từ Trung Quốc sang Mỹ giảm trong khi xuất khẩu gỗ dán từ Việt Nam sang Mỹ lại tăng trưởng mạnh mẽ. Sự gia tăng đột biến trong xuất khẩu mặt hàng này của Việt Nam sang các thị trường xuất khẩu chính làm nảy sinh một số rủi ro. Các rủi ro này có thể diễn ra trên cả 2 phương diện (i) về thị trường xuất khẩu³ và (ii) mở rộng điều tra đối với một số mặt hàng mới có sử dụng nguồn gỗ dán làm nguyên liệu đầu vào.

Một số dự báo và nhận định: Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Liên minh Châu Âu (EVFTA) đi vào thực thi sẽ giúp có thêm 17% tổng giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang EU hưởng thuế 0%. Trong đó, các mặt hàng thuộc mã từ 4401 – 4409, EU áp thuế từ 2 – 4%; các mặt hàng thuộc mã HS 4414/15/18/20/21, EU áp thuế từ 2,5 – 4% sẽ hưởng thuế 0% ngay sau khi Hiệp định thực thi. Hiện nay, nhóm các mặt hàng này đang chiếm 10% giá trị xuất khẩu của Việt Nam sang EU. Nhóm mặt hàng chiếm 7% tổng giá trị xuất khẩu sang EU, gồm đồ nội thất sử dụng trong nhà bếp (HS 9403.40), bộ phận đồ gỗ (HS 9403.90), đồ nội thất kết hợp với vật liệu khác (HS 9403.80) với mức thuế áp dụng trước Hiệp định là 2,7 – 5,6% sẽ về 0% khi Hiệp định có hiệu lực. Cơ hội mang lại cho ngành gỗ không chỉ ở góc độ xuất khẩu mà còn ở khía cạnh tiếp cận máy móc, thiết bị, công nghệ hiện đại, lợi ích từ nguồn nguyên liệu gỗ tốt, xuất xứ rõ ràng... Cùng với sự hỗ trợ từ phía Chính phủ và các cơ quan chức năng, các doanh nghiệp cũng cần xem xét các tiêu chuẩn áp dụng của thị trường EU, tìm kiếm các đối tác để tận dụng cơ hội rất lớn trước mắt này⁴.

³ Thêm số quốc gia quyết định điều tra

⁴ Thông tin chi tiết tại http://goviet.org.vn/upload/aceweb/content/Go%20Viet%20No%20124_July.2020.pdf

MỘT SỐ THAY ĐỔI CHÍNH SÁCH TRÊN THỊ TRƯỜNG

1. Ủy ban Châu Âu (EC) đã công bố hạn ngạch nhập khẩu với một số mặt hàng nông sản của Việt Nam được áp dụng khi Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) có hiệu lực từ 1/8. Mặt hàng gạo có hạn ngạch 80.000 tấn mỗi năm, trong đó gạo chưa xay xát là 20.000 tấn, gạo xay xát và gạo thơm đều là 30.000 tấn. Việc đưa lộ trình được đảm bảo tiêu thụ và tránh bị dồn ứ mặt hàng này trên thị trường.

Lộ trình cụ thể cho từng mặt hàng gạo chi tiết tại đây:

https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=uriserv:OJ.L_.2020.221.01.0064.01.ENG&toc=OJ:L:2020:221:TOC

Quy định về hạn ngạch các mặt hàng khác ngoài gạo, chi tiết tại đây:

<https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/PDF/?uri=CELEX:32020R1024&from=EN>

Ngày 14/7/2020, Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương đã ban hành công văn 0737/XNK-NS về cơ chế quản lý hạn ngạch thuế quan nhập khẩu đối với một số mặt hàng nông, thủy sản theo Hiệp định Thương mại Tự do giữa EU và Việt Nam (EVFTA).

2. Thông tin từ Bộ Công Thương và VCCI, Ủy ban Châu Âu EC đã ban hành Quy định thực thi số 2020/750 ngày 05/06/2020 về việc gia hạn thời gian đăng ký mã số REX cho đến hết ngày 31/12/2020 do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19. Chi tiết thông tin được đăng tải tại:

https://ec.europa.eu/.../gene.../the_register_exporter_system_en

Việt Nam chính thức áp dụng cơ chế nhà xuất khẩu đăng ký tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá (REX) trong chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập (GSP) từ ngày 01/01/2019. Doanh nghiệp có nhu cầu đăng ký mã số REX có thể liên hệ trực tiếp với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) - đơn vị tổ chức thực hiện theo Quyết định ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

3. Thông báo của Tổng cục Quản lý Dược và thực phẩm Đài Loan về danh sách doanh nghiệp được phép xuất khẩu sang thị trường này

Tổng cục Quản lý Dược và thực phẩm Đài Loan (TFDA) đã có văn bản gửi Văn phòng Kinh tế Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc công bố danh sách doanh nghiệp thủy sản Việt Nam đạt chuẩn được phép xuất khẩu thủy sản vào Đài Loan (Trung Quốc). Theo danh sách được công bố lần này, đã có 674 doanh nghiệp của Việt Nam được TFDA cấp phép xuất khẩu sản phẩm thủy sản. So với lần trước, số lượng doanh nghiệp thủy sản được cấp phép xuất khẩu thủy sản đợt này đã tăng lên 36 doanh nghiệp kể từ khi công bố danh sách 638 doanh nghiệp thủy sản được cấp phép xuất khẩu vào thị trường này hồi tháng 10/2019.

Các doanh nghiệp này đã được TFDA phối hợp với cơ quan chức năng Việt Nam cấp mã số định danh doanh nghiệp để tiện quản lý. Chỉ có các doanh nghiệp nằm trong Danh sách đã được TFDA xét duyệt mới được phép xuất khẩu thủy sản vào Đài Loan.

Thông báo của TFDA cũng cho biết, danh sách này có hiệu lực từ ngày 10/7/2020 (tính từ thời điểm hàng hóa rời cảng xuất).

Chi tiết xem tại:

<https://tongcucthuysan.gov.vn/vi-vn/thuong-mai-thuy-san/xuat-nhap-khau/doc-tin/014724/2020-07-23/danh-sach-doanh-nghiep-duoc-phep-xuat-khau-thuy-san-sang-thi-truong-dai-loan-trung-quoc>

4. Ngày 16/6/2020, Bộ An toàn Thực phẩm và Dược phẩm Hàn Quốc (MFDS) đã có Thông báo về phương thức tiếp nhận hồ sơ trực tuyến đối với các cơ sở sản xuất thực phẩm xuất khẩu sang Hàn Quốc. Đây là phương thức kiểm tra lâm thời, được thực hiện trong năm 2020 do diễn biến phức tạp của bệnh dịch Covid-19 trên thế giới, áp dụng riêng đối với doanh nghiệp thuộc diện kiểm tra tại nguồn năm 2020 đã được MFDS thông báo trước đó. Thông tin về Danh sách các doanh nghiệp và cách thức thực hiện chi tiết tại: <https://www.moit.gov.vn/web/guest/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/han-quoc-thong-bao-phuong-thuc-kiem-tra-ho-so-nam-2020-doi-voi-co-so-san-xuat-thuc-pham-xuat-khau-sang-han-quoc-19812-15.html>).

5. Ngày 14/7/2020, Trung Quốc đã ra thông báo số G/SPS/GEN/1812 tới WTO về việc kiểm tra Covid-19 đối với thực phẩm trong chuỗi cung ứng lạnh nhập khẩu; Chi tiết như sau:

- Nhằm thực hiện *Hướng dẫn hoạt động kinh doanh thực phẩm trong phòng tránh COVID-19 và an toàn thực phẩm* do FAO và WHO kết hợp ban hành và ngăn chặn thực phẩm chuỗi lạnh nhập khẩu trước nguy cơ nhiễm COVID-19, Tổng cục Hải quan Trung Quốc tiến hành các hoạt động kiểm tra khẩn cấp nhằm phát hiện Covid-19 bên ngoài và bên trong lớp đóng gói, và container chứa thực phẩm chuỗi lạnh nhập khẩu.

- Ngày 3/7/2020, Hải quan thành phố Đại Liên và Hạ Môn - Trung Quốc đã tìm thấy mẫu dương tính với Covid-19 trong ba lô hàng xuất khẩu vào Trung Quốc; trong đó: một mẫu phát hiện tại thành trong của công-ten-nơ, và 5 mẫu trên bì đóng gói tôm, cho thấy mức độ rủi ro truyền nhiễm Covid-19 trên thực phẩm trong chuỗi cung ứng lạnh nhập khẩu. Những hàng hoá này là sản phẩm của ba công ty tại một trong những đối tác thương mại quan trọng của Trung Quốc.

- Nhằm bảo vệ sức khoẻ của người tiêu dùng, Tổng cục Hải quan Trung Quốc quyết định dừng nhập khẩu sản phẩm từ ba doanh nghiệp kể trên, cũng như việc đăng ký mã số của họ tại Trung Quốc từ ngày 10/7/2020. Sản phẩm bị tạm giữ của những doanh nghiệp trên sẽ bị trả lại hoặc bị tiêu huỷ và những sản phẩm có nguy cơ truyền nhiễm Covid-19 sẽ bị thu hồi.

Đề nghị các doanh nghiệp có hàng hoá xuất khẩu sang Trung Quốc nghiên cứu và cập nhật thường xuyên các quy định trên.

6. Quy định của Ả-rập Xê-út liên quan đến thuế suất nhập khẩu đối với một số loại hàng hoá

Theo thông tin từ Bộ Công Thương, từ ngày 10/6/2020, Chính phủ Ả-rập Xê-út chính thức áp dụng Quyết định số 559 về việc sửa đổi Biểu thuế hài hoà (Harmonized Tariff Schedule) và nâng thuế nhập khẩu chung với hàng hoá xuất xứ từ nước ngoài (trừ các nước tham gia ký Hiệp định thương mại tự do với Ả-rập Xê-út). Quyết định 559 nêu trên áp dụng đối với khoảng 2000 dòng sản phẩm thuộc 37 chương hàng hoá khác nhau. Thuế nhập khẩu bổ sung được áp dụng cho nhóm Thực phẩm và đồ uống (sản phẩm từ sữa, rau quả, đường, mật ong...) dao động từ 7,5% - 25%. Các sản phẩm từ nhựa và cao su dao động từ 6,5% - 15%. Sản phẩm vật liệu xây dựng như gỗ ván,... được áp thuế tối đa đến 15%. Tuy nhiên, gạo và hạt điều - mặt hàng xuất khẩu quan trọng của Việt Nam sang thị trường này đều không thuộc đối tượng áp dụng Quy định tăng thuế nhập khẩu số 559.

7. Algeria tạm ngừng nhập khẩu đối với 13 mặt hàng trái cây

Hiệp hội các ngân hàng và cơ sở tài chính Algeria (ABEF) có công văn gửi các ngân hàng trực thuộc thông báo, thực hiện chỉ thị của Tổng thống Algeria về cấm hoàn toàn việc nhập khẩu các sản phẩm nông nghiệp khi Algeria đang trong vụ thu hoạch. Bộ Thương mại nước này vừa ban hành lệnh tạm ngừng nhập khẩu 13 mặt hàng trái cây. Quyết định này nhằm bảo vệ sản xuất trong nước cũng như tăng cường kiểm soát đối với trái cây nhập khẩu để tránh tình trạng ghi hoá đơn cao hơn giá trị thực và bảo đảm chất lượng an toàn thực phẩm vì sức khoẻ của người dân.

Danh sách các mặt hàng này bao gồm cam, quýt, mơ, quả anh đào, quả đào, mận, nho, lê, táo, hạnh nhân, vả, lựu, sơn trà và mận qua.

Thông tin chi tiết xem tại:

<https://www.algerie-eco.com/2020/07/19/document-lalgerie-suspend-limportation-de-treize-produits-agricoles/>

<https://www.algerie360.com/20200719-lalgerie-decide-de-suspendre-limportation-de-13-produits-agricoles/>

<http://news.leportale.com/doc?id=219465946>